

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: **15 – 04 – 2022**

“Về việc: *Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Hồ Văn Khánh.**

Các hội thẩm nhân dân:
**1. Ông Võ Đăng Tuấn.
2. Bà Trần Thị Minh Tâm.**

- Thư ký phiên tòa: **Bà Lương Thị Tâm** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Đông** - Kiểm sát viên.

Ngày **15** tháng **4** năm **2022**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **285/2021/TLST-HNGĐ**, ngày **23** tháng **12** năm **2021**, về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **08/2022/QĐXXST-HNGĐ** ngày **08** tháng **3** năm **2022**, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Kim D**, sinh năm **1996**; nơi đăng ký thường trú: **đường E, thôn F, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận**; chỗ ở: **thôn G, xã B, huyện T, tỉnh Bình Thuận**. Vắng mặt, đã có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: **Anh Lê Phước T1**, sinh năm **1991**; nơi cư trú: **đường E, thôn F, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận**. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và lời khai đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, **nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim D** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: **Chị Nguyễn Thị Kim D** và **anh Lê Phước T1** tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 20/5/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; do **anh T1** không chăm lo làm ăn mà thường xuyên chơi đánh bạc, từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi nhau và có nhiều lần **anh T1** đánh **chị D**; mặc dù vợ chồng đã nhiều lần cố gắng tự hòa giải nhưng **anh T1** không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng nghiêm trọng; vợ chồng cũng đã sống ly thân từ đầu tháng 12/2021 cho đến nay. Hiện nay **chị D** không còn yêu thương **anh T1**, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã nghiêm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, **chị D** không muốn tiếp tục chung sống với **anh T1** nên **chị D** cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: **Chị D, anh T1** có 01 người con chung tên **Lê Phước Kiên T2**, sinh ngày 03/01/2020, sống với **chị D** từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. **Chị D** yêu cầu được quyền nuôi dưỡng người con chung này cho đến khi thành niên và không yêu cầu **anh T1** cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay **chị D** đang làm chủ tiệm Spa ở địa phương xã B; công việc ổn định với mức thu nhập khoảng 15.000.000đ/tháng. **Chị D** đang sống với cha mẹ ruột tại xã B, cha mẹ của **chị D** hiện nay còn khỏe mạnh, có khả năng lao động, không nuôi dưỡng người phụ thuộc khác nên có thể giúp đỡ **chị D** nuôi dưỡng con. Với điều kiện hiện tại, **chị D** đảm bảo nuôi dưỡng con chung được phát triển tốt.

Về tài sản chung: **Chị D** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra **chị D** không có yêu cầu nào khác trong vụ án.

[2]. *Thể hiện tại các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Lê Phước T1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: **Anh Lê Phước T1** và **chị Nguyễn Thị Kim D** tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào năm 2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, có đôi khi xảy ra mâu thuẫn nhưng mức độ không nghiêm trọng; đến khoảng đầu tháng 12/2021, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhỏ, xảy ra gây gổ, cãi nhau, **chị D** có lời lẽ không tôn trọng và thách thức **anh T1** nên **anh T1** có dùng tay đánh **chị D**, từ đó **chị D** đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng ly thân cho đến nay; nhiều lần **anh T1** khuyên bảo **chị D** trở về chung sống đoàn tụ nhưng **chị D** không đồng ý. Hiện nay **anh T1** vẫn còn yêu thương **chị D**, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức nghiêm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn có thể hàn gắn, **anh T1** mong muốn được tiếp tục chung sống với **chị D** nên **anh T1** không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* **Anh T1, chị D** có 01 người con chung tên **Lê Phước Kiên T2**, sinh ngày 03/01/2020. Nếu ly hôn, **anh T1** yêu cầu được quyền nuôi dưỡng

người con chung này cho đến khi thành niên và không yêu cầu **chị D** phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay anh T1 đang làm nghề tài xế lái xe tải, thu nhập khoảng 18.000.000đ/tháng; anh T1 đã có nhà ở ổn định; với điều kiện hiện tại, anh T1 đảm bảo nuôi dưỡng con chung được phát triển tốt.

- Về tài sản chung: **Anh T1** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra **anh T1** không có yêu cầu gì trong vụ án.

[3]. Các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Trích lục kết hôn (bản sao) số 26/TLKH-BS ngày 07 tháng 12 năm 2021 và Trích lục khai sinh (bản sao) số 06/TLKS-BS ngày 10/01/2020 của Ủy ban nhân dân xã H.

Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành xác minh đối với địa phương xã H về tình trạng hôn nhân, nghề nghiệp, thu nhập của **chị D**, anh T1 và lập biên bản xác minh ngày 29/12/2021 (Bút lục số 25).

[4]. Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án: Đại diện viện kiểm sát đề nghị xử cho **chị Nguyễn Thị Kim D** được ly hôn với **anh Lê Phước T1**; giao cho **chị D** được quyền nuôi dưỡng 01 người con tên **Lê Phước Kiến Trường**, sinh ngày **03/01/2020** cho đến khi thành niên; buộc **chị D** phải chịu **300.000đồng** án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, **nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim D** vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt; **bị đơn anh Lê Phước T1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Trong vụ án, chỉ có yêu cầu của nguyên đơn **chị Nguyễn Thị Kim D**, yêu cầu giải quyết ly hôn và nuôi con; ngoài ra, không có yêu cầu nào khác của các đương sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhận định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “**Ly hôn và tranh chấp về nuôi con**” là đúng pháp luật.

Tranh chấp dân sự quy định tại **Điều 28** của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; **các đương sự đều** có nơi cư trú tại **huyện T, tỉnh Bình Thuận**. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại điểm **a** khoản **1** Điều **35** và điểm **a** khoản **1** Điều **39** của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

*[3.1] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn **chị Nguyễn Thị Kim D**, Hội đồng xét xử nhận định:*

Chị Nguyễn Thị Kim D, anh Lê Phước T1 xác định tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã H** vào năm **2019**; **chị D** đã cung cấp được trích lục kết hôn số **26/TLKH-BS** ngày **07/12/2021** của Ủy ban nhân dân xã H thể hiện nội dung **chị D, anh T1** đăng ký kết hôn vào ngày **20/5/2019** để chứng minh việc kết hôn. Do đó quan hệ hôn nhân của **chị D, anh T1** là hợp pháp. Vì vậy, **chị D** có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị D và **anh T1** đều thừa nhận vợ chồng chung sống đến khoảng đầu tháng 12/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, xảy ra gây gổ, cãi nhau, anh T1 đánh chị D, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Hơn nữa, tại Biên bản xác minh ngày 29/12/2021, địa phương xã H đã cung cấp thông tin: Vợ chồng chị D, anh T1 đã xảy ra mâu thuẫn, gây gổ, cãi nhau, từ đó chị D đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng không còn chung sống cho đến nay. Ngoài ra, trong quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành phiên hòa giải nhưng chị D cương quyết yêu cầu giải quyết ly hôn, không có nguyện vọng đoàn tụ, kết quả hòa giải đoàn tụ không thành. Từ những căn cứ này, có đủ cơ sở xác định vợ chồng **chị D, anh T1** đã xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, **chị D** yêu cầu giải quyết ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận, xử cho **chị D** được ly hôn với **anh T1**.

*[3.2] Về yêu cầu giải quyết nuôi con của **nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim D**, Hội đồng xét xử nhận định:*

Căn cứ lời khai của các đương sự; căn cứ trích lục khai sinh (bản sao) số 06/TLKS-BS ngày 10/01/2020 của Ủy ban nhân dân xã H mà **chị D** đã cung cấp; có đủ cơ sở xác định **chị D, anh T1** có 01 người con chung tên **Lê Phước Kiên T2**, sinh ngày **03/01/2020**.

Căn cứ lời khai của **chị D**, căn cứ thông tin mà địa phương xã H đã cung cấp tại Biên bản xác minh ngày **29/12/2021**, có đủ căn cứ xác định hiện nay **chị D** làm chủ tiệm Spa, công việc và thu nhập ổn định, có điều kiện đảm bảo nuôi dưỡng 01 con chung được phát triển bình thường. Hơn nữa, người con chung **Lê Phước Kiên T2** hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi. Vì vậy, yêu cầu của **chị D** về việc nuôi con là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận, xử giao cho **chị D** có quyền, nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng 01 người con chung tên **Lê Phước Kiên Trường**, sinh ngày **03/01/2020** cho đến khi thành niên, **anh T1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim D không yêu cầu **bị đơn anh Lê Phước T1** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét xử, giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung:

Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét xử, giải quyết trong vụ án này.

[3.5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 144 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Xử buộc **chị Nguyễn Thị Kim D** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận:

Ý kiến đề nghị giải quyết vụ án của của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ và phù hợp với quy định của Pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 144, các Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim D:**

Về quan hệ hôn nhân: **Chị Nguyễn Thị Kim D** được ly hôn với **anh Lê Phước T1.**

Về việc nuôi con: Giao cho **chị Nguyễn Thị Kim D** có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 người con chung tên **Lê Phước Kiến T2**, sinh ngày **03/01/2020** cho đến khi thành niên. **Anh Lê Phước T1** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

[2]. Về án phí:

Buộc **chị Nguyễn Thị Kim D** phải chịu **300.000đồng** án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào **300.000đồng** tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số **0007635** ngày **23/12/2021** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Thuận; sau khi khấu trừ, **chị D** đã nộp đủ tiền án phí.

[3]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự đều được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết (đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- CC THADS h.T;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hồ Văn Khánh